TÒA Á N NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2018/DS-PT

Ngày: 11/7/2018

V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Dũng

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính và Bà Hoàng Thị Luận

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh: Ông Nguyễn Đình Dũng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2018/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2018 về "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do bản án sơ thẩm số 05/2017/DSST, ngày 28/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 49/2018/QĐ-PT ngày 14/5/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành X, sinh năm 1958 (Có mặt)

Bà Vũ Thị M, sinh năm 1960 (Có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1957 (Có mặt)

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964 (Vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn Th, xã A, h. Th, tỉnh Bắc Ninh

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Uỷ ban nhân dân huyện Th, tỉnh Bắc Ninh

Địa chỉ: Thị Trấn H - Th - Bắc Ninh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Đình H - Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên môi trường huyện Th, tỉnh Bắc Ninh (Có đơn xin xử vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1963 (Có mặt)

Trú tại: Thôn G - xã A - huyện Th - tỉnh Bắc Ninh .

3. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

4. Anh Nguyễn Duy T1, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

5. Chị Nguyễn Thị M1, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Cùng trú tại: thôn Th, xã A, h.Th - tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện theo ủy quyền của chị N, anh T1, chị M1: Ông Nguyễn Thành X, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn Th, xã A, huyện Th, tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt)

6. Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1988 (Có mặt)

7. Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1989 (Có mặt)

8. Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1993 (Có mặt)

9. Anh nguyễn Văn B, sinh năm 1998 (Có mặt)

Đều trú tại: Thôn Th, xã A, h.Th, tỉnh Bắc Ninh.

10. Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1982 (Có đơn xin xử vắng mặt).

Trú tại: Thôn C, xã A, huyện Th, tỉnh Bắc Ninh.

11. Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1983 (Có đơn xin xử vắng mặt).

Trú tại: Thôn Đ, xã Tr, huyện Th, tỉnh Bắc Ninh

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và tài liệu trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thành X và bà Vũ Thị M trình bày như sau: Diện tích đất ao mà vợ chồng ông khởi kiện vợ chồng ông Nguyễn Văn D có nguồn gốc là vào năm 1987 hợp tác xã chia ruộng 10% cho các hộ gia đình trong thôn. Gia đình ông có bốn khẩu gồm vợ chồng ông và hai con nên được chia 336m^2. Sau khi được chia đất 10% thì thôn có chủ trương đổi diện tích đất 10% ở ngoài đồng để lấy diện tích ao trong làng, gia ông và gia đình ông Nguyễn Văn D cùng đổi diện tích 10% ngoài đồng cho thôn mỗi anh em được 105m^2 đất ao trong làng, cứ mỗi

1m^2 đất 10% đổi được 1,5m^2 đất ao. Gia đình ông và gia đình ông D là anh em ruột nên vợ chồng ông và gia đình ông D cùng sử dụng chung cái ao có tổng diện tích là 210m^2, diện tích ao này nằm liền kề với diện tích đất ở của gia đình ông D, sau khi được nhận diện tích ao thì gia đình ông và gia đình ông D cùng sử dụng thả bèo chung đến khoảng cuối năm 1996 thì vợ chồng ông có nhờ em trai ông là Nguyễn Văn M đổ đất san lấp nhưng chưa bằng mặt đường mà vẫn thả bèo được. Sau đó vợ chồng ông đi làm ăn xa, vợ chồng ông xác định hàng năm gia đình ông vẫn thực hiện nghĩa vụ nộp thuế với Nhà nước đối với diện tích đất ao. Năm 2009, vợ chồng ông về địa phương thì được biết ông D đã san lấp cả phần diện tích đất ao của vợ chồng ông và đã đổ đất bằng mặt đường làm quán bán hàng và đã làm thủ tục kê khai gộp cả phần diện tích đất ao 105 m^2 của vợ chồng ông vào trong phần đất ở của gia đình ông D và gia đình ông D đã được Uỷ ban nhân dân huyện Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1998. Việc Ủy ban nhân dân huyện Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông D bao gồm cả diện tích 105m^2 ao của gia đình ông là không đúng.

Năm 2012, vợ chồng ông có đơn đề nghị ra Uỷ ban nhân dân xã, Uỷ ban nhân dân xã đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay vợ chồng ông yêu cầu gia đình ông Nguyễn Văn D phải trả lại cho gia đình ông 105m^2 đất ao đã nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông D và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện Th đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn D. Ông D đã san lấp phần diện tích đất 105m^2 nếu ông D yêu cầu ông trả tiền công san lấp ông sẽ trả nhưng nếu yêu cầu của ông D không phù hợp thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T trình bày: Về diện tích đất ao mà vợ chồng ông Nguyễn Thành X khởi kiện vợ chồng ông có nguồn gốc là vào năm 1987 hợp tác xã chia ruộng 10% cho các hộ gia đình. Sau đó thôn có chủ trương đổi diện tích đất 10% ở ngoài đồng để lấy diện tích ao trong làng, gia đình ông khi đó có 5 khẩu gồm ông, bà Nguyễn Thị Tr (vợ cũ của ông đã chết năm 1996) và 03 con của ông và bà Nguyễn Thị Tr là Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị T1và

Nguyễn Thị T2 cụ thể mỗi khẩu được bao nhiêu thì ông không nhớ. Lúc này gia đình ông và gia đình ông X cùng đổi diện tích 10% ngoài đồng cho thôn mỗi anh em được 105m^2 đất ao và cùng chung 1 ao trong làng vì cái ao này nằm liền với diện tích đất ở của gia đình ông, hai anh em ông và ông X cùng thả bèo chung còn việc đóng thuế đất lúc đó gia đình ông thuộc diện chính sách nên ông không phải đóng thuế. Đến năm 1997 Ủy ban nhân dân huyện Th đã tiến hành đo đạc lại để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thì diện tích đất ao đó được nhập chung với diện tích đất ở của gia đình ông và diện tích đất ao của ông X nhập vào diện tích đất nhà ông. Theo chủ trương chung của xã thì vợ chồng ông phải nộp tiền đất thừa so với diện tích đất cũ, cụ thể số mét vuông thừa bao nhiêu gia đình ông không biết mà ông chỉ biết lúc đó nộp 540.000 đồng cho Uỷ ban nhân dân xã, vợ chồng ông đã thông báo cho ông X biết việc diện tích đất ao nhà ông X đã nhập cả vào diện tích đất ở của gia đình ông và vợ chồng ông đã phải nộp tiền nhưng ông X không nói gì. Từ năm 1997 thì gia đình ông vẫn sử dụng ông đổ đất san lấp làm vườn và hàng năm vẫn đóng thuế đất không có sự tranh chấp với ai. Sau khi vợ cả ông chết, năm 1997 ông kết hôn với bà Nguyễn Thị T, cũng năm 1997 sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vợ chồng ông đã san lấp thửa đất ao đó và làm vườn như hiện nay.

Nay vợ chồng ông X khởi kiện ra Tòa yêu cầu vợ chồng ông phải trả lại diện tích 105m^2 ao thì vợ chồng ông không nhất trí vì diện tích đất đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông và gia đình ông không có tranh chấp gì với gia đình ông X nên vợ chồng ông không nhất trí trả. Vợ chồng ông đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Đỗ Đình H là người đại diện theo ủy quyền của Uỷ ban nhân dân huyện Th trình bày về trình tự xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn D như sau: Sau khi thực hiện việc đo đạc bản đồ địa chính, Uỷ ban nhân dân xã đã thực hiện việc kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ trong xã A. Hộ ông Nguyễn Văn D đã làm thủ tục kê khai đăng ký cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 11 tờ bản đố số 8 có diện tích là 525,5 m^2 theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 đã được Uỷ ban nhân dân xã A xác nhận ngày 19/12/1998. Sau khi xem xét đơn đề nghị của các hộ thì Ủy ban nhân dân xã A đã công khai tại nhà văn hóa các thôn, sau khi kết thúc việc công khai thì Ủy ban nhân dân xã xét duyệt và đề nghị Phòng Tài Nguyên môi Trường huyện thẩm định và trình Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ trong xã A, tại Quyết định số 206/QĐ-UB ngày 23/12/1998 cho 1296 hộ trong xã trong đó có hộ ông Nguyễn Văn D. Ủy ban nhân dân huyện xác định về trình tự, thủ tục cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông D là đúng theo quy định pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Nh, anh Nguyễn Duy T1, chị Nguyễn Thị M1 trình bày: Chúng tôi được biết vào năm 1987 HTX chia ruộng 10% cho các hộ gia đình trong thôn mỗi suất ruộng được 84m^2, sau đó thôn chủ trương đổi diện tích đất 10% ở ngoài đồng để lấy diện tích ao trong làng, bố mẹ anh chị là ông X, bà M đã đổi diện tích 10% ngoài đồng cho thôn để lấy diện tích ao trong làng, cụ thể việc quy đổi như thế nào thì chị em chị không nắm rõ, sau khi đổi thì gia đình nhà chị và gia đình ông D cùng chung một ao thả bèo. Nay chị em chị được biết toàn bộ diện tích đất ao của gia đình chị đang do gia đình ông D đang sở hữu, sử dụng và bố mẹ chị có đơn khởi kiện yêu cầu gia đình ông D trả lại cho gia đình chị thì chị em chị cũng nhất trí với đề nghị của bố mẹ chị. Do điều kiện công việc nên chị em chị ủy quyền cho bố chị là ông Nguyễn Thành X tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án.

Chị Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị T3, anh Nguyễn Văn Tr và Nguyễn Văn B đã được Tòa án giao thông báo thụ lý, triệu tập nhiều lần đến làm việc nhưng các anh, chị không đến làm việc. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án các anh, chị đều nhất trí theo ý kiến của bị đơn và đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm đã áp dụng các Điều 247, 256 Bộ luật dân sự 2005, điểm c khoản 2 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015, Điều 30, 35, 144, 147, 227

và Điều 228 Bộ luật tố tụng 2015, Điều 99, 100 Luật đất đai 2013, Pháp lệnh về án phí lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thành X và bà Vũ Thị M.

Buộc hộ ông Nguyễn Văn D bà Nguyễn Thị T phải trả lại cho ông Nguyễn Thành X bà Vũ Thị M thửa đất có diện tích 105m^2 theo sơ đồ ABCDEF (*Có sơ đồ và tứ cận thửa đất kèm theo*) bản án.

Kiến nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01086/QSDĐ ngày 23/12/1998 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn D tại thôn Th, xã A, huyện Th, tỉnh Bắc Ninh.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí, chi phí thẩm định, định giá và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, ông Nguyễn Văn D có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án.

Tại phiên toà hôm nay ông Nguyễn Văn D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự pháp luật quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự xử không chấp nhận kháng cáo của các đương sự, y án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ cũng như lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay thì thấy:

Năm 1987, hộ ông Nguyễn Thành X và hộ ông Nguyễn Văn D được hợp tác xã thôn Th, xã A chia ruộng 10%. Sau khi nhận được ruộng 10%, do thôn có chủ trương đổi ruộng 10% để lấy ao thả bèo nên hộ ông X và hộ ông D cùng đổi diện tích đất 10% để lấy diện tích đất ao, cứ 1m^2 đất % đổi được 1,5m^2 đất ao. Hộ ông X và hộ ông D cùng đổi được 105m^2 đất ao. Khi đổi do là anh em nên hai ông được thôn đổi cho về cùng một ao và cùng sử dụng với diện tích ao là 210m^2. Diện tích đất ao này nằm liền kề với diện tích đất thổ cư của hộ ông D đang ở. Sau khi đổi xong thì gia đình ông D và gia đình ông X cùng sử dụng chung diện tích đất ao này để thả bèo chăn nuôi. Do điều kiện phải đi làm ăn xa nên từ năm 1998 gia đình ông X không trực tiếp sử dụng diện tích ao này nữa nhưng gia đình ông vẫn nhờ ông Tr nộp thuế với Nhà nước đầy đủ.

Sau khi đi làm ăn đến năm 2009 gia đình ông X về địa phương thì được biết diện tích ao của gia đình ông đã bị gia đình ông D sử dụng và hộ ông D đã được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm cả diện tích đất ao của ông. Do vậy ông đã làm đơn đề nghị cấp có thẩm quyền giải quyết việc tranh chấp đất đai giữa gia đình ông và gia đình ông D. Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành đã giải quyết vụ án và xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông X buộc ông D phải trả lại ông X 105m^2 đất ao.

Sau khi Tòa án sơ thẩm xử ông Nguyễn Văn D đã làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Xét kháng cáo của ông D thì thấy: Hộ gia đình ông X và hộ gia đình ông D đều đổi đất % để lấy đất ao thả bèo. Sau khi đổi cả hai gia đình cùng sử dụng chung diện tích đất ao này. Do điều kiện phải đi làm ăn xa nên trong khoảng thời gian từ năm 1998 đến năm 2009 ông X không sử dụng diện tích đất ao này nhưng ông vẫn thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước. Tuy gia đình ông D đã được Ủy ban nhân dân huyện Th cấp sổ đỏ đối với cả diện tích đất ao của ông X nhưng việc cấp này của cấp có thẩm quyền là chưa chính xác. Tòa án sơ thẩm đã xác minh thì có việc gia đình ông D phải nộp tiền cho diện tích đất thừa nhưng chỉ là nộp 270.000đ đối với diện tích đất 45m^2 chứ không phải đối với diện tích 105m^2. UBND xã A, huyện Th cũng đã thừa nhận năm 1997 do việc kiểm tra đo đạc, lập hồ sơ diện tích đất ở của hộ ông D có sự sai xót là không kiểm tra thực tế mà chỉ căn cứ vào tờ kê khai của chủ hộ là ông D nên đã gộp cả diện tích đất ao của gia đình ông X vào diện tích đất thổ cư nhà ông D để trình cấp có thẩm quyền cấp giấy

chứng nhận cho hộ nhà ông D. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã tiến hành giám định chữ viết và chữ ký trong các đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của hộ ông D và ông X. Tại kết luận Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh kết luận chữ viết và chữ ký trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của hộ ông X không phải do cùng một người viết và ký tên. Từ những phân tích trên có thể kết luận Tòa án cấp sơ thẩm đã xử như vậy là hoàn toàn có căn cứ và đúng với các quy định của pháp luật. Do vậy, kháng cáo của ông D không có căn cứ để chấp nhận, cần bác kháng cáo của ông D và giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí án phí dân sự.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 247, 256 Bộ luật dân sự 2005; điểm c khoản 2 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 30, 35, 144, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 99, 100 Luật đất đai 2013; Pháp lệnh về án phí lệ phí Toà án;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử;

1. Giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm.

2. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thành X và bà Vũ Thị M. Buộc hộ ông Nguyễn Văn D bà Nguyễn Thị T phải trả lại cho ông Nguyễn Thành X bà Vũ Thị M thửa đất có diện tích 105m^2 theo sơ đồ ABCDEF (*Có sơ đồ và tứ cận thửa đất kèm theo*) bản án.

Kiến nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01086/QSDĐ ngày 23/12/1998 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn D tại thôn Th, xã A, huyện Th, tỉnh Bắc Ninh.

3. Về án phí: ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T phải chịu 20.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm (*Xác nhận ông Nguyễn Văn D đã nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số AA/2012/01213 ngày 18 tháng 01 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh*). Hoàn trả ông Nguyễn Thành X và Bà Vũ Thị M mỗi người 2.260.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo các

biên lai thu số AA/2012/00319 và AA/2012/00320 ngày 27/4/2015 tại cơ quan thi hành án dân sự huyện Th.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Thuận Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Đắc Dũng